

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TPNĐ
TỈNH NAM ĐỊNH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 289/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 28-6-2023

V/v ly hôn giữa anh Trần Văn H và
chị Nguyễn Thị Thanh S

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TPNĐ - TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Mai Anh.

Các hội thẩm nhân dân:

Ông Đỗ Quang Chung

Bà Đặng Thị Châu Loan

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Phương Thủy – Thư ký Tòa án nhân dân TPNĐ.

Ngày 28 tháng 6 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân TPNĐ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 225/2023/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 5 năm 2023 về việc “ly hôn và tranh chấp nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 38/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 6 năm 2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Trần Văn H, sinh năm 1981; căn cước công dân số 036081002976; nơi đăng ký thường trú: Đ11P14, phường Văn M, TPNĐ, tỉnh Nam Định; nơi cư trú: Số nhà 845 đường Trần Huy L, phường Mỹ Xá, TPNĐ, tỉnh Nam Định; có mặt tại phiên tòa.

Bị đơn: Chị Nguyễn Thị Thanh S, sinh năm 1984; căn cước công dân số 091184000061; nơi cư trú: Đ11P14, phường Văn M, TPNĐ, tỉnh Nam Định; có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Tại đơn khởi kiện, bản tự khai ngày 26-5-2023 và trong quá trình tham gia tố tụng, nguyên đơn là anh Trần Văn H trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Nguyễn Thị Thanh S kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại ủy ban nhân xã Tân H A, huyện Tân H, tỉnh Kiên Giang vào ngày 19-10-2007. Sau khi kết hôn anh và chị Nguyễn Thị Thanh S sống hòa thuận, hạnh phúc đến khoảng năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, tính cách không hòa hợp dẫn đến việc vợ chồng không thể ở được cùng nhau. Vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2019 đến

nay, không quan tâm, chăm sóc nhau. Nay anh xác định mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, anh yêu cầu Tòa án giải quyết cho vợ chồng ly hôn.

- Về con chung: Anh và chị Nguyễn Thị Thanh S có 02 con chung là cháu Trần Xuân H (giới tính: Nam), sinh ngày 19-12-2008 và cháu Trần Xuân T, (giới tính: Nam), sinh ngày 16-6-2017. Cháu H bị hạn chế khả năng nhận thức, trí tuệ chậm phát triển, khó khăn về nói và không biết viết nên cháu không trình bày được nguyện vọng cháu muốn ở với ai. Hiện nay cháu H đang ở với anh còn cháu T ở với chị S. Nếu ly hôn, anh đề nghị Tòa án giao cho vợ chồng mỗi người nuôi 01 con vì hiện tại vợ chồng không ở với nhau nhưng mỗi người cũng đã đang nuôi 01 con, chị S đang gửi cháu T cho bố mẹ đẻ của chị S chăm sóc giúp. Về cấp dưỡng nuôi con: Anh trình bày vì mỗi người nuôi 01 con nên anh không đề nghị Tòa án giải quyết cấp dưỡng nuôi con.

- Tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản của vợ chồng: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Tại bản tự khai ngày 28-6-2022, biên bản hòa giải ngày 12-7-2022 và tại phiên tòa, bị đơn là chị Nguyễn Thị Thanh S trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị thống nhất về thời gian, điều kiện, hoàn cảnh kết hôn và nguyên nhân mâu thuẫn của vợ chồng như anh Trần Văn H trình bày. Sau khi kết hôn chị và anh Trần Văn H sống hòa thuận, hạnh phúc đến khoảng năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng không có sự quan tâm, chia sẻ với nhau trong cuộc sống gia đình. Chị và anh H đã sống ly thân từ năm 2019 đến nay, không còn quan tâm, chăm sóc nhau. Anh H và cháu Trần Xuân H đã chuyển đi nơi khác sinh sống. Cháu Trần Xuân H bị bệnh hạn chế khả năng nhận thức, trí tuệ chậm phát triển, khó khăn về nói và không biết viết. Chị hiện tại đang ở một mình và cháu Trần Xuân T chị gửi về quê cho bố mẹ đẻ của chị ở tỉnh Kiên Giang nuôi dưỡng, chăm sóc giúp vì chị phải đi làm, không có thời gian để chăm sóc con. Nay anh Trần Văn H đề nghị Tòa án giải quyết cho vợ chồng ly hôn, chị không đồng ý ly hôn và mong muốn Tòa án hòa giải để vợ chồng đoàn tụ cùng nuôi dạy con.

Về con chung: Chị nhất trí với ý kiến trình bày của anh Trần Văn H về việc vợ chồng có 02 con chung. Về việc nuôi con chung và cấp dưỡng nuôi con chị không có quan điểm, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản của vợ chồng: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Tại đơn xin xác nhận ngày 30-5-2023 có xác nhận của chính quyền địa phương, anh Trần Văn H trình bày: trong quá trình chung sống vợ chồng bất đồng quan điểm sống, phát sinh nhiều mâu thuẫn không thể giải quyết, mục đích hôn nhân không đạt được. Anh và chị Nguyễn Thị Thanh S có 02 con chung là Trần Xuân H (giới tính: Nam), sinh ngày 19-12-2008 và Trần Xuân T, (giới tính: Nam), sinh ngày 16-6-2017. Anh có nguyện vọng nuôi con Trần Xuân H, chị S nuôi cháu T. Về tài sản chung và công nợ chung: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Quan hệ tranh chấp:*

Tại đơn khởi kiện và trong quá trình tham gia tố tụng, nguyên đơn là anh Trần Văn H yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn chị Nguyễn Thị Thanh S, giải quyết về người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn, không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản của vợ chồng. Bị đơn là chị Nguyễn Thị Thanh S không có yêu cầu phản tố. Do vậy quan hệ tranh chấp trong vụ án được xác định là ly hôn, tranh chấp nuôi con.

[2] *Về nội dung tranh chấp trong vụ án:*

2.1. Về quan hệ hôn nhân:

Anh Trần Văn H và chị Nguyễn Thị Thanh S kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại xã Tân Hiệp A, huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang vào ngày 19-10-2007. Như vậy hôn nhân giữa anh Trần Văn H và chị Nguyễn Thị Thanh S là hôn nhân hợp pháp. Sau một thời gian chung sống, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn anh H và chị S đều khai do vợ chồng không có sự quan tâm, chia sẻ với nhau trong cuộc sống gia đình, vợ chồng không còn chung sống với nhau từ năm 2019 đến nay. Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa anh Trần Văn H và chị Nguyễn Thị Thanh S đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, vì vậy Hội đồng xét xử có căn cứ chấp nhận yêu cầu của anh Trần Văn H, xử ly hôn giữa anh H và chị S theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

2.2. Về nuôi con chung: Anh Trần Văn H và chị Nguyễn Thị Thanh S có hai con chung là Trần Xuân H (giới tính: Nam), sinh ngày 19-12-2008 và Trần Xuân T (giới tính: Nam), sinh ngày 16-6-2017. Tại phiên tòa anh H đề nghị Tòa án giao cho vợ chồng mỗi người nuôi 01 con, anh nuôi cháu Trần Xuân H, chị S nuôi cháu Trần Xuân T. Về cấp dưỡng nuôi con: Anh H không đề nghị Tòa án giải quyết. Chị S không có quan điểm về việc nuôi con chung. Xét trên thực tế anh H đang trực tiếp nuôi cháu H còn chị S nuôi cháu T và chị đang gửi cháu T cho bố mẹ đẻ chị chăm sóc giúp. Chị S và anh H đều có điều kiện nuôi con nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của anh H: Giao cho anh Trần Văn H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Trần Xuân H, giao cho chị Nguyễn Thị Thanh S trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Trần Xuân T là phù hợp.

2.3. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Anh Trần Văn H và chị Nguyễn Thị Thanh S không đề nghị Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không giải quyết,

2.4. Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản của vợ chồng:

Anh Trần Văn H và chị Nguyễn Thị Thanh S không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Án phí Dân sự sơ thẩm:

Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 và điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa XIV:

Án phí ly hôn sơ thẩm: Anh Trần Văn H là nguyên đơn trong vụ án nên phải nộp toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm. Số tiền tạm ứng án phí anh Trần Văn H đã nộp được khấu trừ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa XIV.

1. Xử lý hôn giữa anh Trần Văn H và chị Nguyễn Thị Thanh S.

2. Về con chung: Giao cho anh Trần Văn H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung là Trần Xuân H (giới tính: Nam), sinh ngày 19-12-2008; chị Nguyễn Thị Thanh S trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung là Trần Xuân T (giới tính: Nam), sinh ngày 16-6-2017.

Về cấp dưỡng nuôi con: Anh Trần Văn H và chị Nguyễn Thị Thanh S không đề nghị Tòa án giải quyết.

3. Bên không trực tiếp nuôi con chung có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung. Không ai được hạn chế, cản trở các quyền này.

Bên không trực tiếp nuôi con chung có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi con, không được lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc giáo dục, nuôi dưỡng con của người trực tiếp nuôi con chung.

4. Án phí ly hôn sơ thẩm: Anh Trần Văn H phải nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng). Số tiền này được trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) anh đã nộp tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000109 ngày 26-5-2023 của Chi cục Thi hành án dân sự TPND.

5. Anh Trần Văn H và chị Nguyễn Thị Thanh S được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

6. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự: Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án và người phải thi hành án có quyền thỏa

thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đường sự;
- Toà án nhân dân tỉnh Nam Định;
- Viện kiểm sát nhân dân TPND;
- Chi cục Thi hành án TPND;
- UBND xã Tân H A, huyện Tân H, tỉnh Kiên Giang (Giấy chứng nhận kết hôn số 80 ngày 19-10-2007);
- Lưu Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Phạm Thị Mai Anh